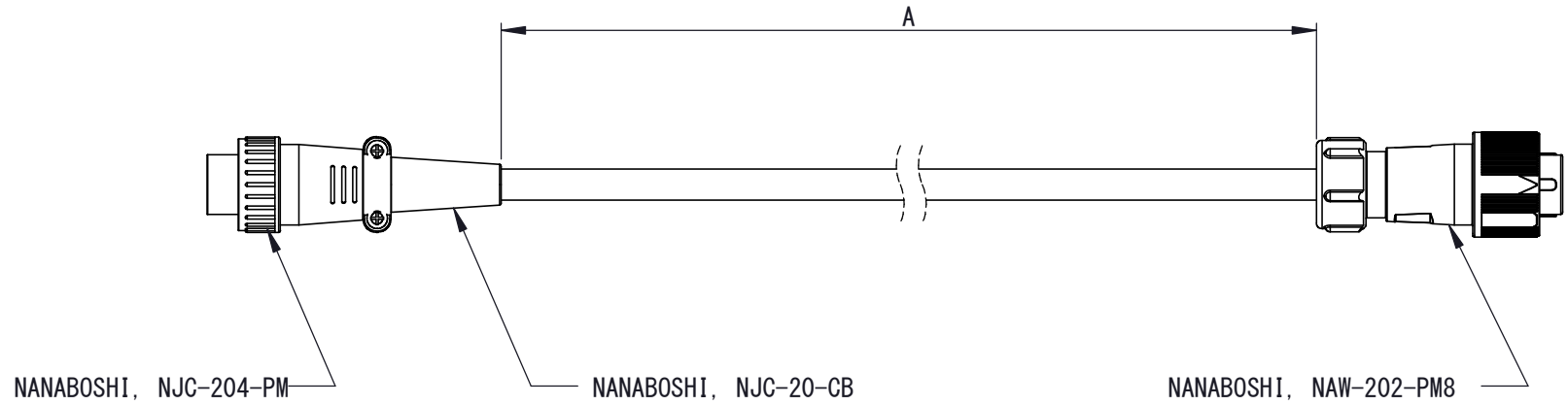
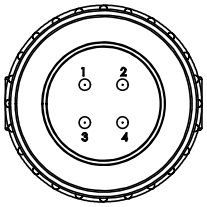
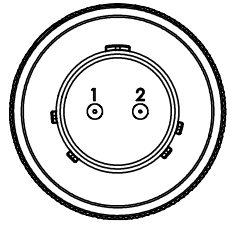


NANABOSHI, NJC-204-PM		
	P1, P3	COM V+
	P2, P4	COM V-

Length	Model Name	Draw NO.
A	VMCA-2M-NJC4M-□	TxxxxA
1,000	VMCA-2M-NJC4M-1	T1186A
2,000	VMCA-2M-NJC4M-2	T1187A
3,000	VMCA-2M-NJC4M-3	T1263A
5,000	VMCA-2M-NJC4M-5	T1188A
10,000	VMCA-2M-NJC4M-10	T1189A
15,000	VMCA-2M-NJC4M-15	T1190A
20,000	VMCA-2M-NJC4M-20	T1191A
25,000	VMCA-2M-NJC4M-25	T1290A

NANABOSHI, NAW-202-PM8		
	P1	V+
	P2	V-

TREATMENT 処理		MATERIAL		UNIT	METHOD
		CHAMFER			
TREATMENT CONTACT 処理接点		FINISHING		mm	
		DECENTRATION			

APPROVED	CHECKED	DESIGNED	DRAWN	TOLERANCE		REMARK	VMCA-2M-NJC4M-□
T.Y	T.Y	B.C.	B.C.	ANGLE		NAME	TM03023D101A _ VMCA-2M-NJC4M-□
				SCALE	1 : 2		
				DATE	2024/06/21	DRAW NO.	TxxxxA-H00101

NO.	REVISION	DATE	NAME
△×			